

Số: /KH-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030; Quyết định số 1069/QĐ-BYT ngày 17/4/2026 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, cụ thể như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030 (*sau đây gọi tắt là Chương trình*) bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và thực tiễn của tỉnh.

Thông qua việc tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp, góp phần bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh; bảo đảm nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời góp phần thực hiện thành công mục tiêu của Chiến lược Dân số Việt Nam và các mục tiêu dân số trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, hướng tới phát triển nhanh, bền vững.

##### 2. Yêu cầu

Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, thống nhất của các cấp ủy đảng, chính quyền; phát huy vai trò, trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đoàn thể và chính quyền các cấp trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

Các nhiệm vụ, giải pháp phải được cụ thể hóa phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm dân số của địa phương; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với mục tiêu tại Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030.

Tăng cường phối hợp liên ngành trong quá trình tổ chức thực hiện; lồng ghép hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu về dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chú trọng các hoạt động tuyên truyền phù hợp với đặc điểm văn hóa, phong tục của từng vùng, từng dân tộc; đẩy mạnh truyền thông trực tiếp tại cộng đồng thông qua người có uy tín.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Bảo đảm mức sinh thay thế, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực, thực hiện thành công các mục tiêu dân số đến năm 2030 góp phần bảo đảm phát triển nhanh và bền vững đất nước.

### **2. Mục tiêu đến năm 2030**

- Bảo đảm mức sinh không dưới mức sinh thay thế ( $TFR > 2,1$  con/phụ nữ);
- Trên 95% các cặp vợ chồng, nam nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về kết hôn, sinh con để đạt và duy trì mức sinh thay thế;
- 100% các xã, phường thực hiện chính sách hỗ trợ các cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi con.

### **3. Đối tượng tác động**

- Nam, nữ thanh niên; các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ.
- Cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp trong hệ thống chính trị; doanh nghiệp, tổ chức; người có uy tín, người đứng đầu tổ chức tại cộng đồng, tôn giáo, dòng họ; cán bộ làm công tác dân số, y tế và các cá nhân liên quan.

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền**

Các cấp ủy đảng, chính quyền tiếp tục quán triệt, triển khai đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân số và phát triển; xác định rõ mục tiêu duy trì mức sinh thay thế là nhiệm vụ trọng tâm, lâu dài, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đưa chỉ tiêu về mức sinh, tỷ lệ sinh con thứ hai, tỷ lệ kết hôn và sinh con đúng độ tuổi vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và giai đoạn; đồng thời cụ thể hóa chỉ tiêu đến từng xã, phường, phù hợp với đặc điểm từng địa bàn (khu vực đô thị, khu công nghiệp, nông thôn).

Phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong lãnh đạo, chỉ đạo

thực hiện công tác dân số; đưa kết quả thực hiện các chỉ tiêu về mức sinh là một tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện tại cơ sở; tập trung vào các địa bàn có mức sinh thấp, khu công nghiệp, khu vực tập trung đông lao động trẻ; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện.

Phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở, đặc biệt là cấp xã, thôn, tổ dân phố trong công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện sinh đủ hai con, không kết hôn muộn, không sinh con quá muộn; gắn trách nhiệm cụ thể cho đội ngũ cán bộ cơ sở, cộng tác viên dân số.

## **2. Đẩy mạnh truyền thông, vận động thay đổi hành vi**

Tăng cường công tác tuyên truyền các nội dung của Luật Dân số ngày 10/12/2025, Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21- NQ/TW; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030; Quyết định số 1069/QĐ-BYT ngày 17/4/2026 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030 và các văn bản của tỉnh nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội để giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về dân số bao gồm quy mô, cơ cấu, phân bố và nâng cao chất lượng dân số. Tập trung tuyên truyền việc duy trì mức sinh thay thế trên toàn quốc, đặc biệt là vai trò của cá nhân, cặp vợ chồng trong việc sinh con để bảo đảm phát triển bền vững đất nước và hạnh phúc của người dân.

Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động với nhiều hình thức đa dạng, nội dung phong phú, sinh động, hấp dẫn và thuyết phục. Phát huy hiệu quả công tác truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, chú trọng việc sử dụng truyền thông đa phương tiện, internet và mạng xã hội. Sử dụng hợp lý các loại hình văn hóa, văn nghệ, giải trí. Phát huy vai trò của những người có ảnh hưởng với công chúng, gia đình và dòng họ (như những người nổi tiếng trong các lĩnh vực chính trị, khoa học, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, già làng, trưởng bản...) Đặc biệt quan tâm đẩy mạnh các hoạt động truyền thông trực tiếp, nhất là các hoạt động truyền thông tại nhà, tại cộng đồng thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, tuyên truyền viên, nhân viên y tế thôn bản. Ưu tiên tổ chức

theo hình thức lồng ghép với các hội nghị, hoạt động cộng đồng tại cơ sở nhằm nâng cao hiệu quả và tiết kiệm nguồn lực tổ chức thực hiện.

Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi trong hệ thống giáo dục. Mục tiêu của giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản phải bảo đảm trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản, có hệ thống về cấu tạo, cơ chế hoạt động của các cơ quan sinh sản ở người, chăm sóc sức khỏe sinh sản; phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, vô sinh và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; định hình giá trị của việc kết hôn, sinh con vì lợi ích gia đình và tương lai bền vững của đất nước.

### **3. Điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích**

Rà soát, hoàn thiện và tổ chức triển khai đồng bộ các cơ chế, chính sách liên quan đến công tác dân số và an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu, đề xuất các chính sách phù hợp nhằm hỗ trợ, khuyến khích người dân sinh hai con, góp phần duy trì mức sinh thay thế. Từng bước tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ và các cặp vợ chồng trong việc mang thai, sinh con và nuôi dạy con, bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế gia đình và thực hiện chức năng sinh sản.

Tăng cường lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về dân số vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; huy động các nguồn lực xã hội tham gia thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả chính sách và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

### **4. Mở rộng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ có liên quan**

Tiếp tục củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh, bảo đảm người dân được tiếp cận thuận lợi, công bằng và liên tục với các dịch vụ thiết yếu, phù hợp với nhu cầu của từng nhóm đối tượng. Đẩy mạnh cung cấp thông tin, tư vấn, khám và chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ, nam giới trong độ tuổi sinh đẻ, thanh niên, công nhân tại khu công nghiệp và các nhóm đối tượng đặc thù; chú trọng tư vấn tiền hôn nhân, tư vấn trước khi sinh con nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe sinh sản.

Từng bước mở rộng và nâng cao chất lượng các dịch vụ kỹ thuật như sàng lọc trước sinh và sơ sinh, tư vấn và hỗ trợ phòng tránh vô sinh, hiếm muộn; tăng cường cung cấp các phương tiện tránh thai an toàn, hiện đại và thuận tiện; Đồng thời, tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế; nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số và y tế cơ sở, bảo đảm cung ứng dịch vụ có chất lượng, thân thiện, dễ tiếp cận.

Tăng cường lòng ghép cung cấp dịch vụ dân số với chăm sóc sức khỏe ban đầu, các chương trình y tế, an sinh xã hội tại cộng đồng; chú trọng mở rộng dịch vụ đến vùng nông thôn, vùng khó khăn, bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận dịch vụ một cách thuận lợi. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng dân số, cải thiện sức khỏe bà mẹ, trẻ em và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của địa phương trong giai đoạn mới.

### **5. Các nhiệm vụ và giải pháp khác**

Nâng cao công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số, y tế các cấp, đặc biệt là tuyến cơ sở; chú trọng cập nhật kiến thức, kỹ năng về quản lý, truyền thông, tư vấn và cung cấp dịch vụ phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới. Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, đánh giá các mô hình, giải pháp đã triển khai để kịp thời điều chỉnh, nhân rộng các mô hình hiệu quả; đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành công tác dân số. Từng bước hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành dân số, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, phục vụ hiệu quả cho công tác tham mưu, hoạch định chính sách và quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch ở các cấp, các ngành; xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ và đột xuất, tập trung vào các địa bàn, lĩnh vực trọng tâm. Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo; tổ chức sơ kết, tổng kết theo quy định, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc để có giải pháp tháo gỡ phù hợp; đồng thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện tốt, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh.

### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Y tế**

Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; trường hợp có khó khăn, vướng mắc, chủ động đề xuất phương án giải quyết báo

cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo thực hiện; tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo theo quy định.

Xây dựng Kế hoạch hằng năm để tổ chức thực hiện; chủ động phối hợp và hỗ trợ nội dung tuyên truyền, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân số và phát triển cho các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức các hoạt động truyền thông, cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình.

## **2. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hằng năm thực hiện Kế hoạch theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước hiện hành, các quy định của pháp luật có liên quan, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và tình hình thực tế của địa phương.

## **3. Sở Nội vụ**

Phối hợp với Sở Y tế tham mưu kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số các cấp; nghiên cứu, đề xuất bố trí, sắp xếp nhân lực phù hợp.

Chỉ đạo tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động phù hợp với đặc điểm văn hóa, phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số và các nhóm tôn giáo; phát huy vai trò của người có uy tín, chức sắc tôn giáo trong vận động người dân thực hiện chính sách dân số; lồng ghép nội dung dân số trong các chương trình, chính sách phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

## **4. Sở Xây dựng**

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu phát triển hệ thống hạ tầng xã hội, đặc biệt là nhà ở, thiết chế văn hóa, cơ sở dịch vụ công cộng phù hợp với nhu cầu của các gia đình, người lao động; lồng ghép yếu tố dân số trong quy hoạch, phát triển đô thị, khu công nghiệp, góp phần tạo môi trường thuận lợi cho việc sinh con và nuôi dạy con.

## **5. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Chỉ đạo lồng ghép nội dung giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, giới và bình đẳng giới trong chương trình giáo dục; tổ chức các hoạt động truyền thông, tư vấn cho học sinh, sinh viên với hình thức phù hợp; chủ động phối hợp với ngành y tế triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức, kiến thức về dân số và sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường.

## **6. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy**

Chỉ đạo, định hướng công tác tuyên truyền, vận động trong hệ thống chính trị về dân số và phát triển, trong đó tập trung nội dung đảm bảo mức sinh thay thế; đưa nội dung dân số vào sinh hoạt chi bộ.

### **7. Đề nghị Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình**

Tăng cường tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số và phát triển, trong đó chú trọng nội dung đảm bảo mức sinh thay thế; xây dựng các tin, bài, phóng sự phản ánh thực trạng, xu hướng mức sinh và các giải pháp thực hiện tại địa phương. Đa dạng hóa hình thức truyền thông, nâng cao chất lượng nội dung, góp phần nâng cao nhận thức của người dân về sinh đủ hai con, kết hôn và sinh con trong độ tuổi phù hợp, qua đó thúc đẩy thay đổi hành vi, góp phần thực hiện mục tiêu dân số trên địa bàn tỉnh.

### **8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội**

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chính sách dân số, trong đó tập trung nội dung đảm bảo mức sinh thay thế; lồng ghép nội dung dân số vào các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước.

Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ động tham gia triển khai và giám sát việc thực hiện Chương trình và các chính sách về dân số theo đúng quy định.

### **9. Các sở, ban, ngành có liên quan**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp, triển khai các giải pháp bảo đảm mức sinh thay thế; lồng ghép nội dung dân số và phát triển vào chương trình, kế hoạch của ngành.

### **10. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

Xây dựng Kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; phân công nhiệm vụ cho các đơn vị, cá nhân liên quan; đưa chỉ tiêu dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện sinh đủ hai con; căn cứ khả năng cân đối ngân sách và nguồn kinh phí được phân cấp, xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai.

Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai công tác dân số tại cơ sở; chủ động phối hợp các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai thực hiện; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện; định kỳ (trước ngày 10/12 hằng năm) hoặc đột xuất, phát sinh (nếu có) gửi kết quả thực hiện về Sở Y tế (*qua Chi cục Dân số và Trẻ em*) để tổng hợp, báo cáo theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, VP6, VP2.

NP\_VP6\_KHYT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hà Lan Anh**